

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối Kế Toán	4 - 5
Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	6
Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	7 - 8
Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	9 - 19



Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Ban giám đốc


Bùi Xuân Thoa
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 2 năm 2008



Số: 08-2-047/CPAHANOI/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
 về báo cáo tài chính năm 2007
 của Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa ("Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 20.

Trách nhiệm của Ban giám đốc và kiểm toán viên

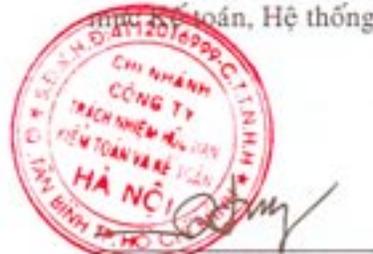
Việc lập báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kiểm toán độc lập ở Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kiểm toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Tô Quang Tùng
 Giám đốc chi nhánh
 Kiểm toán viên
 Số đăng ký: 0270/KTV



Nguyễn Minh Tiến
 Kiểm toán viên
 Số đăng ký: 0547/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		336.192.139.288	236.622.853.185
110	I. Tiền		37.806.855.588	27.819.015.429
111	1. Tiền	3	37.806.855.588	27.819.015.429
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		153.000.000.000	96.500.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	4	153.000.000.000	96.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu		49.246.405.205	44.234.989.829
131	1. Phải thu của khách hàng		44.223.114.295	38.724.478.902
132	2. Trả trước cho người bán		2.866.341.786	5.323.455.001
135	3. Các khoản phải thu khác		2.327.221.967	357.328.769
139	4. Dự phòng phải thu khó đòi		(170.272.843)	(170.272.843)
140	IV. Hàng tồn kho		93.034.574.209	56.956.517.091
141	1. Hàng tồn kho	5	93.034.574.209	56.956.517.091
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.104.304.286	11.112.330.836
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		150.000.000	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.825.831.053	3.005.399.597
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	6	1.128.473.233	8.106.931.239
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		43.035.778.304	41.458.373.429
220	I. Tài sản cố định	8	43.035.778.304	39.918.373.429
221	1. Tài sản cố định hữu hình		24.951.553.098	22.216.497.392
222	Nguyên giá		134.190.138.550	126.609.532.885
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(109.238.585.452)	(104.393.035.493)
227	2. Tài sản cố định vô hình		17.319.885.750	17.319.885.750
228	Nguyên giá		17.319.885.750	17.319.885.750
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		764.339.456	381.990.287
260	II. Tài sản dài hạn khác		-	1.540.000.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	-	1.540.000.000
250	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		379.227.917.592	278.081.226.614

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		37.241.576.938	25.801.962.950
310	I. Nợ ngắn hạn		26.142.976.247	10.647.004.360
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		3.383.940.000	3.379.110.000
312	2. Phải trả người bán		5.444.777.571	1.495.625.963
313	3. Người mua trả tiền trước		55.215.316	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	13.918.975.066	2.860.837.139
315	5. Phải trả công nhân viên		1.422.183.058	62.826.424
316	6. Chi phí phải trả		-	1.636.931.536
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác		1.917.885.236	1.211.673.298
320	II. Nợ dài hạn		11.098.600.691	15.154.958.590
333	1. Phải trả dài hạn khác		5.290.000.000	6.610.000.000
334	2. Vay và nợ dài hạn		5.075.910.000	8.447.775.000
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc		732.690.691	97.183.590
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		341.986.340.654	252.279.263.664
410	I. Vốn chủ sở hữu	11	338.780.075.995	249.851.140.740
411	1. Vốn cổ phần	11.2	113.398.600.000	94.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		68.094.331.990	68.094.331.990
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		49.355.150.601	29.667.431.060
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		5.259.340.584	2.259.995.894
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối	11.1	102.672.652.820	55.329.381.796
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		3.206.264.659	2.428.122.924
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12	3.206.264.659	2.428.122.924
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		379.227.917.592	278.081.226.614

Lê Hùng Dũng
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Thoa
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 2 năm 2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		619.648.695.796	455.013.237.511
02	2. Các khoản giảm trừ		278.948.682	32.980.819
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13	619.369.747.114	454.980.256.692
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		480.467.532.907	366.454.861.264
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		138.902.214.207	88.525.395.428
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		13.038.585.546	1.403.793.280
22	7. Chi phí tài chính		1.293.327.714	1.928.837.268
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1.270.437.714</i>	<i>1.928.837.280</i>
24	8. Chi phí bán hàng		36.366.544.919	20.298.320.646
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		18.349.171.922	13.015.644.628
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		95.931.755.198	54.686.386.166
31	11. Thu nhập khác	15	12.868.819.042	5.371.750.880
32	12. Chi phí khác		457.921.421	71.243.251
40	13. Lợi nhuận khác		12.410.897.621	5.300.507.629
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		108.342.652.819	59.986.893.795
51	15. Thuế TNDN hiện hành	16	-	-
52	16. Thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		108.342.652.819	59.986.893.795
61	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		95.541	72.779



Lê Hùng Dũng
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Thoa
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 2 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp trực tiếp)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và thu khác		649.237.161.677	562.398.970.039
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ		(499.968.468.543)	(447.156.250.684)
3	Tiền chi trả cho người lao động		(30.785.558.006)	(24.195.673.869)
4	Tiền chi trả lãi vay		(560.295.916)	(739.594.866)
5	Tiền chi nộp thuế TNDN		-	-
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.906.916.890	14.934.378.893
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(49.299.904.112)	(50.952.922.171)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		71.529.851.990	54.288.907.342
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(147.359.796)	(8.951.698.543)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(73.000.000.000)	(124.029.684.912)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		16.500.000.000	29.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	Tiền thu do bán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.286.707.532	1.292.554.788
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(45.360.652.264)	(102.688.828.667)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp trực tiếp) (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		-	80.601.252.000
32	Tiền hoàn trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	Tiền thu do đi vay		-	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.379.110.000)	(11.189.550.000)
35	Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.826.360.998)	(9.985.512.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		(16.205.470.998)	59.426.190.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		9.963.728.728	11.026.268.675
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		27.819.015.429	16.943.777.800
61	Ảnh hưởng của biến động tỷ giá		24.111.431	(151.031.046)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		37.806.855.588	27.819.015.429

Lê Hùng Dũng
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Thoa
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 2 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4703000186 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2004 và giấy phép thay đổi lần 1 vào ngày 7 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, tỉnh Đồng Nai và hai chi nhánh:

Chi nhánh tại Hà Nội	Số 87B, Đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh	Số 126, Trung tâm thương mại Quận 10, Đường Lý Thường Kiệt, thành phố Hồ Chí Minh

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chứng từ.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao

Khấu hao sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 4 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là lợi thế kinh doanh được xác định khi đánh giá giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Công ty thực hiện phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 3 năm.

Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Trích lập trợ cấp mất việc

Trợ cấp mất việc cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại công ty với mức trích lập bằng 3% quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

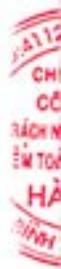
Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

3. TIỀN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	3.441.513.299	1.803.372.825
Tiền gửi ngân hàng	34.365.342.289	26.015.642.604
TỔNG CỘNG	37.806.855.588	27.819.015.429

4. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	153.000.000.000	96.500.000.000
TỔNG CỘNG	153.000.000.000	96.500.000.000

Đầu tư ngắn hạn thể hiện tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 3 tháng.

5. HÀNG TỒN KHO

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	86.278.075.077	45.067.996.780
Công cụ, dụng cụ	86.277.599	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.784.782.846	3.282.026.271
Thành phẩm	4.885.438.687	8.606.494.040
TỔNG CỘNG	93.034.574.209	56.956.517.091

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng	855.473.233	763.122.788
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	273.000.000	7.343.808.451
TỔNG CỘNG	1.128.473.233	8.106.931.239

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số năm nay</i>	<i>Số năm trước</i>
Số dư đầu năm	1.540.000.000	3.200.000.000
Phân bổ vào chi phí trong năm	1.540.000.000	1.660.000.000
Số dư cuối năm	-	1.540.000.000

Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

8.1 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: đồng Việt Nam

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Số dư đầu năm	16.235.456.120	106.004.384.914	3.058.962.871	1.310.728.980	126.609.532.885
- Mua trong năm	-	3.419.641.678	763.977.954	375.749.306	4.559.368.938
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	3.672.655.262	-	-	3.672.655.262
- Tặng khác	-	-	14.631.108	-	14.631.108
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(626.356.143)	(17.100.000)	-	(22.593.500)	(666.049.643)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	15.609.099.977	113.079.581.854	3.837.571.933	1.663.884.786	134.190.138.550
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.089.171.953	91.413.460.009	1.812.971.934	1.077.431.597	104.393.035.493
- Khấu hao trong năm	565.552.388	4.245.710.314	405.161.717	221.344.126	5.437.768.545
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(552.525.086)	(17.100.000)	-	(22.593.500)	(592.218.586)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	10.102.199.255	95.642.070.323	2.218.133.651	1.276.182.223	109.238.585.452
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	6.146.284.167	14.590.924.905	1.245.990.937	233.297.383	22.216.497.392
- Tại ngày cuối năm	5.506.900.722	17.437.511.531	1.619.438.282	387.702.563	24.951.553.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

8.2 Tài sản cố định vô hình

Giá trị tài sản cố định vô hình thể hiện toàn bộ chi phí trả tiền thuê mặt bằng với diện tích 49.500 m² tại khu Công nghiệp Long Thành dùng để đầu tư nhà máy chế biến cafe và các sản phẩm uống nhanh. Thời gian thuê là 50 năm kể từ tháng 10 năm 2003 đến tháng 10 năm 2053. Do nhà máy đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư nên tiền thuê mặt bằng này chưa được phân bổ vào chi phí kinh doanh.

9. CÁC KHOẢN VAY

<i>KHOẢN MỤC</i>	<i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay dài hạn		
Vay từ Cục Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	8.459.850.000	11.826.885.000
trong đó:		
<i>Vay dài hạn</i>	<i>5.075.910.000</i>	<i>8.447.775.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3.383.940.000</i>	<i>3.379.110.000</i>
TỔNG CỘNG	<u>8.459.850.000</u>	<u>11.826.885.000</u>

Khoản vay dài hạn này bao gồm 2 khoản, một khoản theo Hiệp định Tín dụng ký kết giữa Chính phủ Việt Nam với Công ty tài trợ xuất khẩu Đan Mạch (DEFC) với thời hạn vay là 8 năm kể từ ngày 24 tháng 1 năm 1998, lãi suất vay là 2%/năm. Khoản thứ hai theo Hiệp định ký kết giữa Bộ Tài chính với Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu với thời hạn 13 năm kể từ ngày 19 tháng 2 năm 1998, lãi suất vay bằng LIBOR + 0,75%/năm. Phí quản lý trả cho Cục Đầu tư Phát triển là 0,25%/năm trên số dư nợ vay.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>KHOẢN MỤC</i>	<i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế GTGT	4.387.624.334	1.578.667
Thuế xuất, nhập khẩu	9.068.355.845	2.859.258.472
Các loại thuế khác	462.994.887	-
TỔNG CỘNG	<u>13.918.975.066</u>	<u>2.860.837.139</u>

Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

11.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	3.058.931.990	-	-	37.255.426.955	120.314.358.945
- Tăng vốn trong năm trước	14.500.000.000	65.035.400.000	-	-	-	79.535.400.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	59.986.893.795	59.986.893.795
- Tăng khác	-	-	29.667.431.060	2.259.995.894	-	31.927.426.954
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(41.912.938.954)	(41.912.938.954)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/Số dư đầu năm nay	94.500.000.000	68.094.331.990	29.667.431.060	2.259.995.894	55.329.381.796	249.851.140.740
- Tăng vốn trong năm nay	18.898.600.000	-	-	-	-	18.898.600.000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	108.342.652.819	108.342.652.819
- Tăng khác	-	-	19.687.719.541	2.999.344.690	-	22.687.064.231
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(60.999.381.795)	(60.999.381.795)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	113.398.600.000	68.094.331.990	49.355.150.601	5.259.340.584	102.672.652.820	338.780.075.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

11.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết tăng/giảm lợi nhuận chưa phân phối

KHOẢN MỤC	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	55.329.381.796	37.255.426.955
- Lợi nhuận trong năm	108.342.652.819	59.986.893.795
- Trích quỹ đầu tư phát triển	(19.686.319.542)	(29.667.431.060)
- Trích quỹ dự phòng tài chính	(2.999.344.690)	(2.259.995.894)
- Chi cổ tức đợt 2 năm 2005	-	(4.800.000.000)
- Tạm chia cổ tức năm 2006	-	(4.657.512.000)
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2006	(7.156.360.998)	-
- Chia cổ tức tăng vốn năm 2007	(18.898.600.000)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(5.880.160.367)	-
- Tạm chia cổ tức năm 2007	(5.670.000.000)	-
- Thường HĐQT và Ban Kiểm soát	(708.596.198)	(528.000.000)
Số dư cuối năm	102.672.652.820	55.329.381.796

11.2. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

KHOẢN MỤC	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của Nhà nước	57.000.000.000	47.500.000.000
Vốn góp cổ đông khác	56.398.600.000	47.000.000.000
TỔNG CỘNG	113.398.600.000	94.500.000.000

11.3. Cổ phiếu

KHOẢN MỤC	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.133.986	945.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.133.986	945.000
- Cổ phiếu thường	1.133.986	945.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

12. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

KHOẢN MỤC	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.428.122.924	3.304.190.916
- Tăng quỹ	5.969.829.823	-
Trích từ lợi nhuận năm 2006	5.880.160.367	-
Thưởng cho doanh số xuất khẩu	81.510.000	-
Tăng khác	8.159.456	-
- Giảm quỹ	5.191.688.088	876.067.992
Chi khen thưởng	4.549.900.000	465.463.810
Chi cho cán bộ công nhân viên	641.788.088	410.604.182
Số dư cuối năm	3.206.264.659	2.428.122.924

13. DOANH THU

CHỈ TIÊU	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	619.648.695.796	455.013.237.511
Trong đó		
Doanh thu bán hàng	619.648.695.796	455.013.237.511
Các khoản giảm trừ doanh thu	(278.948.682)	(32.980.819)
Giảm giá hàng bán	(278.538.498)	(5.133.900)
Hàng bán bị trả lại	(410.184)	(27.846.919)
Doanh thu thuần	619.369.747.114	454.980.256.692

14. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

CHỈ TIÊU	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	444.845.939.770	339.596.642.125
Chi phí nhân công	30.848.854.713	22.461.368.550
Chi phí khấu hao, khấu trừ	5.395.352.287	12.011.906.512
Chi phí khác	49.030.983.881	29.028.121.851
TỔNG CỘNG	530.121.130.651	403.098.039.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

15. THU NHẬP KHÁC

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thuế nhập khẩu được hoàn	11.691.783.513	4.454.933.177
Thu nhập khác	1.177.035.529	916.817.703
TỔNG CỘNG	12.868.819.042	5.371.750.880

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế cho bảy năm tiếp theo.

17. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i>			
<u><i>Công ty có liên quan</i></u>	<u><i>Mối quan hệ</i></u>	<u><i>Nội dung nghiệp vụ</i></u>	<u><i>Số tiền</i></u>
Công ty CP Cơ Khí VINA Nha Trang	Công ty thành viên	Mua hàng	40.687.500
Tổng Công ty VINACAFE	Công ty mẹ	Chi phí sử dụng vốn	488.000.000
Công ty CP XNK Đức Nguyên	Công ty thành viên	Mua hàng	1.456.152.600

Vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán các khoản phải thu đối với các công ty có liên quan như sau:

<i>Đơn vị: đồng Việt Nam</i>		
<u><i>Công ty có liên quan</i></u>	<u><i>Mối quan hệ</i></u>	<u><i>Phải thu/(phải trả)</i></u>
Tổng Công ty VINACAFE	Công ty mẹ	3.012.449.951

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

18. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU

Năm nay Năm trước

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê văn phòng và nhà kho không hủy ngang theo các thời hạn

Đến 1 năm	480.864.000	481.759.211
Trên 1 - 5 năm	2.404.320.000	1.619.236.800
Trên 5 năm		



Lê Hùng Dũng
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Thoa
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 2 năm 2008

